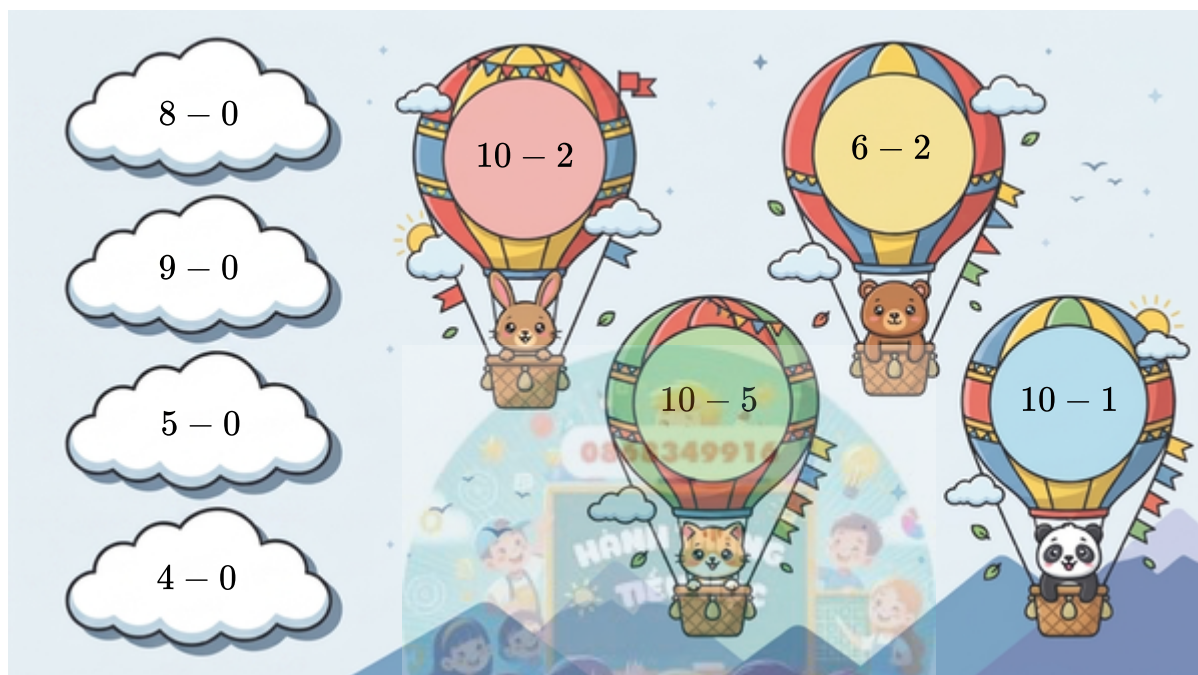


Họ và tên:

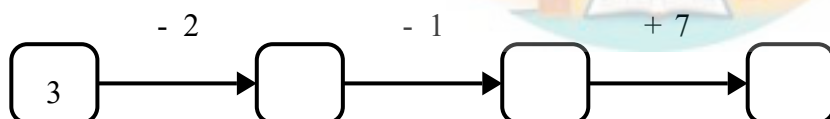
Lớp:

TOÁN 1 – LUYỆN TẬP CHUNG: PHÉP CỘNG/ TRỪ TRONG PV 10.

Bài 1. Nối hai phép tính có cùng kết quả với nhau.



Bài 2. Số?



Bài 3. Tìm số thích hợp điền vào ô trống.

- | | | | |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| a) $\dots - 2 = 5$ | b) $\dots - 6 = 3$ | c) $6 - \dots = 5$ | d) $\dots - 0 = 7$ |
| e) $1 - \dots = 1$ | f) $\dots - 5 = 0$ | g) $\dots - 0 = 8$ | h) $\dots - 2 = 1$ |

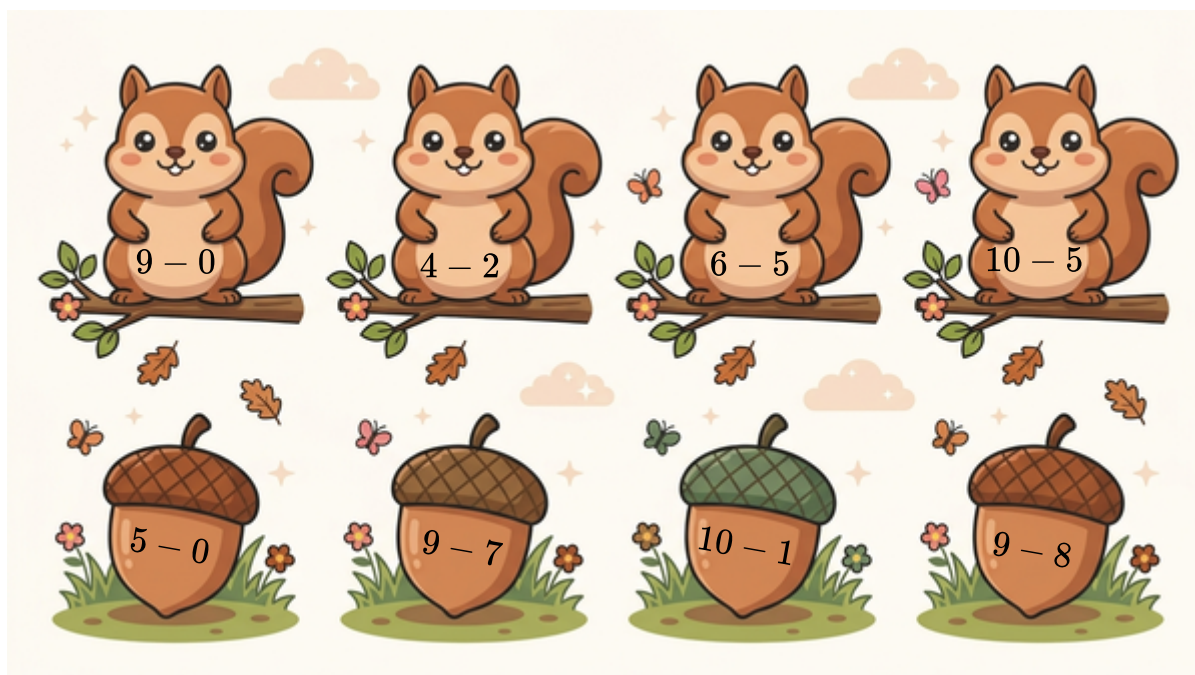
Bài 4. Tính nhẩm.

- | | | | |
|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| a) $10 + 0 = \dots$ | b) $7 + 1 = \dots$ | c) $4 + 5 = \dots$ | d) $2 + 1 = \dots$ |
| e) $9 + 1 = \dots$ | f) $3 + 7 = \dots$ | g) $7 + 2 = \dots$ | h) $7 + 0 = \dots$ |

Bài 5. Tính.

- | | | | |
|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| a) $10 - 7 = \dots$ | b) $4 - 1 = \dots$ | c) $5 - 1 = \dots$ | d) $6 - 3 = \dots$ |
| e) $9 - 8 = \dots$ | f) $3 - 3 = \dots$ | g) $8 - 7 = \dots$ | h) $6 - 4 = \dots$ |

Bài 6. Nối hai phép tính có cùng kết quả với nhau.



Bài 7. Tính hoặc điền số thích hợp vào dấu ?

a) $\dots + 3 = 4$

b) $\dots + 2 = 4$

c) $4 + \dots = 4$

d) $0 + 4 = \dots$

